

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YD
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 29/3/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhân và ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YD mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị NTH, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: Tổ dân PK, thị trấn NB, huyện YD, tỉnh BG.

Chỗ ở: Thôn DT, xã TT, huyện HH, tỉnh BG.

- ***Bị đơn:*** Anh LVT, sinh năm 1987; cư trú: Tổ dân PK, thị trấn NB, huyện YD, tỉnh BG.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn chị NTH trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân: Ngày 10/11/2008, chị và anh LVT có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nham Sơn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Việc kết hôn của anh chị dựa trên sự tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở cùng gia đình nhà chồng khoảng hơn 01 năm sau thì ra ở riêng. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Nhưng sau một thời gian, anh T chơi bời, nghiện ngập, đánh chửi chị thường xuyên nên vợ chồng bất hoà, hay cãi vã, xô xát nhau nên tình cảm ngày càng rạn nứt. Do vợ chồng mâu thuẫn

trầm trọng nên chị đã mang con trai là cháu T về quê để chị ở HH ở hẳn. Ở đây chị có nhà riêng do bố mẹ để chị để lại cho. Anh chị ai có cuộc sống riêng của người đó, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau nữa, vợ chồng chị cũng ly thân từ đó đến nay. Gia đình hai bên cũng đã hoà giải nhiều lần nhưng anh chị không thể thay đổi được tình hình mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là LVT, sinh ngày 25/8/2009. Hiện nay con chung đang ở cùng chị. Sau khi vợ chồng mâu thuẫn, chị đã mang cháu T về quê để chị ở HH ở và cũng đã chuyển khẩu và chuyển trường cho cháu T về HH. Đến nay, cháu cũng đã quen với môi trường sinh hoạt và học tập ở đây. Hiện nay, chị đang làm may tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về T sản chung và nghĩa vụ chung về T sản: Chị xác định chị và anh T không có T sản chung cũng không có nghĩa vụ chung về T sản nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

T liệu chứng cứ thu thập được:

Tại biên bản lấy lời khai cháu LVT trình bày: Cháu là con trai của mẹ H và bố T. Hiện nay, cháu đang học lớp 9A4, trường THCS TT, huyện HH. Cháu đang ở cùng với mẹ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được về ở với mẹ cháu. Không ai xui cháu hay đe dọa, ép buộc cháu phải về ở với bố hay về ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh bà NTH là mẹ đẻ của anh T và là mẹ chồng của chị H cung cấp: Năm 2008, gia đình bà tổ chức cưới hỏi cho anh T, chị H theo phong tục tập quán, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nham Sơn theo quy định. Anh T và chị H có 01 con chung là Lương Văn T, sinh năm 2009, hiện nay đang ở cùng chị H. Việc vợ chồng chị H có mâu thuẫn như thế nào bà không nắm được. Chỉ biết cuối tháng 11/2023, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở HH ở từ đó đến nay không về nhà chung sống cùng anh T nữa.

Tại biên bản xác minh ngày 26/02/2023, đại diện chính quyền địa phương nơi anh T cư trú cung cấp: Anh T và chị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nham Sơn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, quá trình chung sống thì vợ chồng

có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm được. Chỉ biết từ khoảng tháng 11/2023 đến nay thì chị H không còn chung sống cùng với anh T ở địa phương nữa. Anh T và chị H có 01 con chung là Lương Văn T, sinh năm 2009, hiện nay đang ở cùng chị H.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T hợp lệ và mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện quan điểm, ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị H. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 15/3/2024, Tòa án mở phiên tòa, bị đơn anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị NTH được ly hôn anh LVT; giao con chung Lương Văn T, sinh ngày 25/8/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung, về T sản chung, công nợ chung do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T và giải quyết về con chung nên HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh LVT cư trú trên địa bàn huyện YD, tỉnh BG nên Tòa án nhân dân huyện YD thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên toà, nguyên đơn chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về mối quan hệ hôn nhân thấy: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2008 và được UBND xã Nham Sơn, huyện YD cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đủ căn cứ xác định đây là hôn nhân hợp pháp đúng với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quá trình chung sống của vợ chồng: Chị H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân là anh T chơi bời, không chăm lo cho gia đình, nợ nần nhiều khiến chị H phải trả nợ cho nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chị H đã mang con về quê ở HH ở từ tháng 11/2023 đến nay, vợ chồng cũng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Anh T không đến Tòa án giải quyết. Mặt khác, Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không đến tham gia hoà giải, chị H xác định vợ chồng chị không thể hòa giải hay hàn gắn được. Điều đó, chứng tỏ cả anh T và chị H đều không còn tha thiết níu giữ quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh T có con chung là Lương Văn T, sinh ngày 25/8/2009. Hiện nay cháu T đang ở cùng chị H. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Còn anh T, không đến Toà án làm việc cũng không có văn bản thể hiện quan điểm về việc có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung hay không. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định của con chung trong học tập và sinh hoạt cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi và quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của

người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về T sản chung và nghĩa vụ chung về T sản: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị NTH phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị NTH được ly hôn anh LVT.

1.2. *Về con chung*: Giao con chung Lương Văn T, sinh ngày 25/8/2009 cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H do chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

1.3. *Về án phí*: Chị NTH phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005178 ngày 11/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD.

2. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- CCTHADS huyện YD;
- UBND thị trấn NB;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Thị Thu H